

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH TRÀ VINH

Bản án số: 170/2024/DS-ST

Ngày: 26/9/2024

V/v “Tranh chấp chia tài sản chung
của hộ là quyền sử dụng đất để thi hành án”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Inh

Bà Trần Thị Sang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Võ Thanh Thảo- Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Phúc Đức, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 709/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung của hộ là quyền sử dụng đất để thi hành án”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2024/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Bội H, sinh năm 1954

Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo uỷ quyền cho bà Trịnh Bội H là ông Huỳnh Tuấn E, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ: khóm A, phường H, thành phố T, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn:

1/ Ông Đoàn Ngọc D, sinh năm 1965 (vắng mặt)

2/ Bà Lâm Thị L, sinh năm 1969 (có mặt)

3/ Ông Đoàn Lâm Nhựt H1, sinh năm 1992 (con ông D) (vắng mặt)

4/ Bà Đoàn Lâm Nhựt T, sinh năm 1995 (con ông D) (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh

5/ Quỹ tín dụng nhân dân xã V (xin vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Minh T1 – chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của bà Trịnh Bội H, cũng như lời khai của ông Huỳnh Tuấn E là người đại diện cho bà Trịnh Bội H trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay như sau:

Căn cứ vào bản án số 116/2020/DS-PT ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và Bản án số 46/2020/ST-DS ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa Nguyên đơn bà Trịnh Bội H, sinh năm 1954, địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh và các bị đơn Bà Lâm Thị L, sinh năm 1969 và ông Đoàn Ngọc D, sinh năm 1968. Cùng địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 21/01/2021 bà Trịnh Bội H có nhận được quyết định số 688/QĐ - CCTHADS của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh buộc bà Lâm Thị L và ông Đoàn Ngọc D phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Trịnh Bội H số tiền 449.166.200 đồng (bốn trăm bốn mươi chín triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm đồng). Trong đó vốn gốc 420.000.000 đồng; Lãi 29.166.200 đồng tính đến ngày 20/8/2020. Ngày 30/01/2024 bà H có nhận được Thông báo số 451/TB-CCTHADS của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thông báo cho bà H có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh để xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án là ông Đoàn Ngọc D và bà Lâm Thị L theo thủ tục tố tụng dân sự đối với phần tài sản là Quyền sử dụng đất thửa số 541, tờ bản đồ số 3, diện tích 1370m², loại đất ONT + CLN, đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh được UBND huyện C,

tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/9/1997 cho hộ Đoàn Ngọc D theo tài liệu đo đạc năm 2006, được cập nhật chỉnh lý 2018 nhằm thửa đất số 65, tờ bản đồ số 41, diện tích 808,2m² loại đất ONT +CLN do hộ Đoàn Ngọc D kê khai trên sổ mục kê đất đai do Sở Tài Nguyên và môi trường tỉnh T lập ngày 30/3/2018. Tại thời điểm cấp chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đoàn Ngọc D vào năm 15/9/1997, hộ gia đình có ông Đoàn Ngọc D và bà Lâm Thị L, cùng với 2 người con là ông Đoàn Lâm Nhựt H1 và bà Đoàn Lâm Nhựt T nhưng thời điểm đó hai con của ông D, bà L còn rất nhỏ (chưa được 5 tuổi nên hoàn toàn không có công sức đóng góp gì). Theo quy định tại Điều 118 BLDS năm 1995 quy định: “Tài sản chung của hộ gia đình gồm tài sản do các thành viên cùng nhau tạo lập nên hoặc được tặng cho chung và các tài sản khác mà các thành viên thoả thuận là tài sản chung của hộ. Quyền sử dụng đất hợp pháp của hộ gia đình cũng là tài sản chung của hộ”. Vì vậy thửa đất số 541, tờ bản đồ số 3, diện tích 1370m², loại đất ONT + CLN (được cập nhật chỉnh lý 2018 nhằm thửa đất số 65, tờ bản đồ số 41, diện tích 808,2m² loại đất ONT +CLN), đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là tài sản chung của vợ chồng được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân do ông Đoàn Ngọc D và Lâm Thị L tạo lập, không có công sức đóng góp của ông Đoàn Lâm Nhựt H1 và bà Đoàn Lâm Nhựt T. Nay ông Tuấn E đại diện cho bà Trịnh Bội H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh giải quyết:

Xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án là ông Đoàn Ngọc D có phần quyền sử dụng đất thực đo là 397,3 m² loại đất ONT + CLN và bà Lâm Thị L có phần quyền sử dụng đất thực đo là 397,3 m² loại đất ONT + CLN, thửa số 65, tờ bản đồ số 41, trong tổng diện tích chung thực đo 794,6m², đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*** Theo lời khai của bị đơn bà Lâm Thị L như sau:** Nguồn gốc thửa đất 541, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.370m² tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh do vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của Từ Họ Miếu ông Trần Hữu Đ từ năm 1996, do mẹ chồng bà cho tiền để nhận chuyển nhượng phần đất này. Thửa đất này do chồng bà ông Đoàn Ngọc D đứng tên quyền sử dụng đất. Nên đây là

tài sản của riêng chồng bà. Bà L1 còn cho biết thêm, sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất này vợ chồng bà đã cất 01 cái chòi để ở, sau đó vợ chồng bà đi làm dành dụm tiền, mượn tiền của người thân mới cất được căn nhà như ngày hôm nay, nên nhà là tài sản chung của vợ chồng. Thửa đất 541 nêu trên khi nhận chuyển nhượng chỉ là đất bờ liếp, còn nhiều vũng lầy, vợ chồng bà là người đã chi tiền ra thuê người san lấp toàn bộ thửa đất mới được bằng phẳng như ngày hôm nay. Bà L xác định thửa đất 541 nêu trên là quyền sử dụng đất chung của hộ bà gồm có vợ chồng bà và hai người con của bà. Nên bà L không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Bội H.

*** Theo lời khai của bị đơn anh Đoàn Lâm Nhựt H1 như sau:** Nguồn gốc thửa đất 541, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.370m² tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì anh H1 nghe bà nội của anh nói lại là do bà nội của anh đưa tiền cho cha mẹ anh là bà L và ông D nhận chuyển nhượng lại từ người khác để sau này anh lớn lên sẽ cho lại anh. Nhưng đến thời điểm này vẫn chưa thực hiện việc sang tên cho anh. Còn về giấy tờ chứng minh phần thửa đất này cho anh thì anh không cung cấp được cho Tòa án. Nhưng cha mẹ anh đều thống nhất vấn đề này. Anh H1 cho rằng đây là đất thuộc quyền sử dụng của anh và có yêu cầu Tòa án công nhận cho anh được quyền sử dụng. Sau khi nghe Thẩm phán giải thích, hướng dẫn làm đơn yêu cầu phản tố trong vụ án này thì anh H1 cho biết kể từ ngày lấy lời khai là ngày 22/7/2024 trong thời hạn 10 ngày anh H1 sẽ làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thửa đất 541 nêu trên, nếu trong 10 ngày này anh không làm đơn yêu cầu phản tố gửi cho Tòa án xem xét thì xem như anh H1 không có yêu cầu phản tố.

*** Theo lời khai của bị đơn chị Đoàn Lâm Nhựt T như sau:** Đối với thửa đất 541, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.370m² tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh chị không biết về nguồn gốc, nhưng thống nhất theo lời trình bày của anh H1. Chị không có công sức đóng góp gì cho thửa đất 541 nêu trên, nên chị T không có yêu cầu gì trong vụ án này.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quỹ tín dụng nhân dân xã V có ý kiến:** Hiện nay ông Đoàn Ngọc D và bà Lâm Thị L có vay vốn của Quỹ tín

dụng Vĩnh Kim số tiền: 92.000.000 đồng nhưng đã trả gốc giảm xuống còn 88.000.000 đồng (đến ngày 16/08/2024), hiện đang thế chấp một quyền sử dụng số: L080877, thửa đất: 541, tờ bản đồ: 03, diện tích: 1.370 m², địa chỉ: xã H, huyện C, tỉnh Trà. Mục đích: Đất ở + Cây ăn quả, Thời hạn sử dụng: Ổn định. Nợ của ông Đoàn Ngọc D và bà Lâm Thị L đang thuộc nhóm nợ đủ tiêu chuẩn nên Quỹ tín dụng V chỉ có yêu cầu là ông Đoàn Ngọc D và bà Lâm Thị L trả nợ gốc và lãi đúng hạn cho Quỹ tín dụng Vĩnh Kim. Trường hợp ông Đoàn Ngọc D và bà Lâm Thị L không trả đúng hạn cho bên Quỹ tín dụng Vĩnh Kim thì Quỹ tín dụng Vĩnh Kim sẽ khởi kiện thu hồi nợ bằng một vụ kiện khác.

Đối với ông Đoàn Ngọc D đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà án. Nhưng ông D không có văn bản gửi đến Toà án nêu ý kiến của ông như thế nào đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Bội H. Ông D cũng không đến Toà án theo thông báo, triệu tập của Toà án. Toà án đã đến nhà để lấy lời khai của ông, nhưng ông vắng mặt, nên Toà án không lấy lời khai của ông được. Nên Toà án có lập biên bản để làm căn cứ về sau.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh trình bày ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng:

- Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bị đơn không chấp hành đúng nghĩa vụ của bản thân theo quy định tại Điều 70, 72, Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, vị Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Bội H, xác định thửa đất số 541, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.370m², loại đất ONT + CLN, đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là thửa 65, tờ bản đồ số 41 tổng diện tích là 794,6m² thuộc phần A1, A4, B1, B4 theo công văn số 1253/CNHCT ngày 23/8/2024 và sơ đồ khu

đất kèm theo) là tài sản chung của ông Đoàn Ngọc D, bà Lâm Thị L. Mỗi người có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt đối với $\frac{1}{2}$ thửa đất này. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định, định giá tài sản: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn bà Trịnh Bội H khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phân quyền sở hữu tài sản, phân quyền sử dụng đất của người phải thi hành án là ông Đoàn Ngọc D và bà Lâm Thị L đối với thửa số 65, tờ bản đồ số 41, trong tổng diện tích thực đo 794,6m², đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 12 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là “Tranh chấp chia tài sản chung của hộ gia đình là quyền sử dụng đất để thi hành án” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Các bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn ông Đoàn Ngọc D, Đoàn Lâm Nhựt H1, Đoàn Lâm Nhựt T theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Xét thửa số 65, tờ bản đồ số 41, diện tích thực đo 794,6m², đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo tư liệu đo đạc năm 1992 là thửa 541, tờ bản đồ số 3, có diện tích 1.370m², loại đất ONT + CLN, đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh là do vợ chồng ông D, bà L nhận chuyển nhượng của Từ Hộ Miếu ông Trần Hữu Đ từ năm 1996 do bà L xác nhận (Bút lục 45-46). Sự việc này phù hợp theo hồ sơ cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất 65 này cho hộ ông Đoàn Ngọc D (Bút lục 63 đến 67). Theo quy định tại khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 “Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất”. Bà H có cung cấp tài sản của bà L, ông D là quyền sử dụng đất nêu trên và Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu

Thành có mời hai bên đến làm việc để thoả thuận việc thi hành án, nhưng hai bên không thoả thuận được và bà L, ông D không đồng ý giao tài sản cho Cơ quan thi hành án, vì bà L cho rằng đây là tài sản chung của hộ bà L. Theo Biên bản xác minh ngày 22/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đối với Đội cảnh sát quản lý hành chính và Trật tự xã hội xác định hộ của ông Đoàn Ngọc D do bà Lâm Thị L đứng tên chủ hộ. Trong hộ gồm có bà Lâm Thị L, ông Đoàn Ngọc D (chồng), anh Đoàn Lâm Nhựt H1 (con, sinh năm 1992), Đoàn Lâm Nhựt T (con, sinh năm 1995). Nên từ các căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xác định thửa đất 65 nêu trên tại thời điểm cấp giấy vào năm 1997 trên cơ sở Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất do ông Đoàn Ngọc D ký gửi xác nhận đất có nguồn gốc đất là nhận chuyển nhượng, thời điểm này anh H1 và chị T còn nhỏ. Vợ chồng ông D, bà L đã cùng nhau cải tạo, tu bổ và cất nhà ở trên thửa đất 65 nêu trên.

Hội đồng xét xử xác định quyền sử dụng đất thửa số 65, tờ bản đồ số 41, diện tích thực đo 794,6m², đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh là tài sản chung của ông Đoàn Ngọc D và bà Lâm Thị L. Do bà L xác định số tiền có được để nhận chuyển nhượng thửa đất 65 nêu trên là của mẹ ông D cho. Nên Hội đồng xét xử xác định diện tích quyền sử dụng đất của ông D là 415,9m² và quyền sử dụng đất của bà L là 378,7m².

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp quy định pháp luật và nhận định trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đoàn Ngọc D và bà Lâm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự khác không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

[6] Về chi phí thẩm định, định giá: Ông Đoàn Ngọc D và bà Lâm Thị L phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 12 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 157, 165, 227, 228, 244, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 212, 213 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 3 Luật đất đai năm 2013; Điều 3 Luật đất đai năm 2024;

Áp dụng Điều 38, 59 Luật hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Bội H về việc xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án của hộ ông Đoàn Ngọc D và bà Lâm Thị L đối với quyền sử dụng đất thửa số 65, tờ bản đồ số 41, diện tích thực đo $794,6m^2$, loại đất ONT + CLN, đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh là tài sản của ông Đoàn Ngọc D và bà Lâm Thị L.

Ông Đoàn Ngọc D được quyền sử dụng diện tích $415,9m^2$, thuộc thửa số 65, tờ bản đồ số 41, trong tổng diện tích chung $794,6m^2$, loại đất ONT + CLN (trong đó đất ở có diện tích $28m^2$), đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh có sơ đồ tứ cận diện tích đất được kèm theo là phần A1, A4 của sơ đồ khu đất kèm theo.

- Bắc giáp phần A2 có độ dài 9,85m;
- Nam giáp đường bê tông có độ dài 9,07m;
- Đông giáp phần B1, B4 phần còn lại của thửa 65 có độ dài lần lượt là 41,71m và 1,8m;
- Tây giáp thửa 542 có độ dài lần lượt là 42,93m và 1,70m.

Bà Lâm Thị L được quyền sử dụng diện tích $378,7m^2$, thuộc thửa số 65, tờ bản đồ số 41, trong tổng diện tích chung $794,6m^2$, loại đất ONT + CLN (trong đó đất ở có diện tích $28m^2$), đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh có

sơ đồ tứ cận diện tích đất được kèm theo là phần B1, B4 của sơ đồ khu đất kèm theo.

- Bắc giáp phần B2 có độ dài 9,85m;
- Nam giáp đường bê tông có độ dài 9,16m;
- Đông giáp thửa 540 có độ dài lần lượt là 12,48m, 27,99m và 2,03m;
- Tây giáp phần A1, A4 phần còn lại của thửa 65 có độ dài lần lượt là 41,71m và 1,80m.

2/ Về lệ phí thẩm định, định giá, phí cung cấp thông tin:

Ông Đoàn Ngọc D và bà Lâm Thị L phải chịu 4.814.867đồng lệ phí thẩm định, định giá, phí cung cấp thông tin.

Bà Trịnh Bội H không phải chịu chi phí thẩm định, định giá, phí cung cấp thông tin. Trả lại cho bà Trịnh Bội H số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) mà bà Trịnh Bội H đã nộp. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thu **4.814.867đồng** lệ phí thẩm định, định giá từ **ông Đoàn Ngọc D và bà Lâm Thị L** trả cho bà Trịnh Bội H. Bà Trịnh Bội H liên hệ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh để nhận lại số tiền chênh lệch là 2.185.133 đồng.

3/ Về án phí: **Ông Đoàn Ngọc D và bà Lâm Thị L phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.** Các đương sự khác không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Hiệp

TM. HỘI

